

# Bǔ Qì Yào


Herb (yào)	Flavour (wèi)		Nature (qì)		Channel Entry (guī jīng)				
	sweet	bitter	warm	neutral	Fèi	Pí	Xīn	Shèn	Wèi
Rén Shēn		-	-						
Dǎng Shēn									
Huáng Qì			-						
Shān Yào									
Bái Zhú									
Dà Zǎo									
Gān Cǎo			(d-f)	(raw)					
Tài Zǐ Shēn		-							
Huáng Jīng									
Yí Táng			-						


all 12

- = slightly  
 (raw) = raw  
 (d-f) = dry-fried



# Bǔ Yáng Yào

Herb (yào)	Flavour (wèi)				Nature (qì)			Channel Entry (guī jīng)				
	acid	sweet	bitter	salty	hot	warm	neutral	Fèi	Pí	DC	Shèn	Gān
Lù Róng												
Gé Jiè												
Ròu Cóng Róng												
Yín Yáng Huò												
Xiān Máo 												
Dù Zhòng	-											
Tù Sī Zǐ												
Zǐ Hé Chē												
Bǔ Gǔ Zhī						+						
Xù Duàn						-						

 = toxic

- = slightly

+ = very

DC = Dà Cháng



# Bǔ Yīn Yào

Herb (yào)	Flavour (wèi)					Nature (qì)			Channel Entry (guī jīng)					
	sweet	bitter	sour	salty	bland	cold	cool	neutral	Fèi	Pí	Xīn	Shèn	Wèi	Gān
Shā Shēn		- 1			2									
Nǚ Zhēn Zǐ														
Mài Mén Dōng		-												
Tiān Mén Dōng						+								
Shí Hú				-										
Bǎi Hé						-								
Gǒu Qǐ Zǐ														
Biē Jiǎ														
Guǐ Bǎn														
Yù Zhú						-								
Hàn Lián Cǎo														

1 = Nán Shā Shēn

2 = Běi Shā Shēn

- = slightly

+ = very



# Bǔ Xuè Yào

Herb (yào)	Flavour (wèi)					Nature (qì)			Channel Entry (guī jīng)				
	acid	sweet	bitter	sour	astringent	warm	cool	neutral	Fèi	Pí	Xīn	Shèn	Gān
Shú Dì Huáng						-							
Dāng Guī													
Lóng Yǎn Ròu													
Hé Shǒu Wū						-							
Ē Jiāo													
Bái Sháo (Yào)													

- = slightly

